

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 33

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 6 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng	Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ	Số 38, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột	Số 191, đường Trần Phú, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia	210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Văn Thắng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Đức Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Trảng Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Đức Chuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Thúy Hà	Trưởng ban	
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên	
Bà Vũ Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2021

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2021
Ông Lương Văn Thắng	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2021

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61319464/22573298

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty***

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phùng Mạnh Phú  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

Nguyễn Quý Mạnh  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>438.099.448.613</b>	<b>440.666.887.951</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>93.360.169.647</b>	<b>130.884.537.229</b>
111	1. Tiền		93.360.169.647	110.884.537.229
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>22.660.000.000</b>	<b>20.160.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	22.660.000.000	20.160.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>14.141.720.176</b>	<b>6.472.489.832</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	14.196.124.735	7.189.112.545
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.765.545.083	1.036.330.758
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		1.147.657.594	1.284.653.765
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(2.967.607.236)	(3.037.607.236)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>297.937.049.167</b>	<b>274.938.052.944</b>
141	1. Hàng tồn kho		301.137.592.593	277.278.891.788
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.200.543.426)	(2.340.838.844)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.000.509.623</b>	<b>8.211.807.946</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.716.666.673	5.979.431.702
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.283.842.950	2.232.376.244
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>93.656.804.374</b>	<b>113.119.742.095</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>67.795.709.170</b>	<b>84.923.075.165</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	58.295.094.071	75.422.460.066
222	Nguyên giá		330.300.410.491	327.531.375.713
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(272.005.316.420)	(252.108.915.647)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	9.500.615.099	9.500.615.099
228	Nguyên giá		11.687.115.099	11.687.115.099
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.186.500.000)	(2.186.500.000)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>1.568.691.203</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.568.691.203
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>25.146.402.813</b>	<b>26.366.627.786</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	12	28.800.000.000	28.800.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	12	(3.653.597.187)	(2.433.372.214)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>714.692.391</b>	<b>261.347.941</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		714.692.391	261.347.941
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>531.756.252.987</b>	<b>553.786.630.046</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>194.681.019.967</b>	<b>217.475.886.045</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>172.020.791.325</b>	<b>186.775.735.670</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	57.926.214.407	54.466.305.126
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	44.772.805.537	62.061.113.784
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.776.590.648	3.389.549.434
314	4. Phải trả người lao động		25.213.109.958	26.749.091.024
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		185.044.545	345.731.686
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		253.008.863	307.962.326
320	7. Vay ngắn hạn	16	15.273.183.170	16.049.774.602
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	24.620.834.197	23.406.207.688
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>22.660.228.642</b>	<b>30.700.150.375</b>
338	1. Vay dài hạn	16	22.660.228.642	30.700.150.375
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>337.075.233.020</b>	<b>336.310.744.001</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>337.075.233.020</b>	<b>336.310.744.001</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		106.500.000.000	106.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		106.500.000.000	106.500.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		115.717.371.207	111.379.188.698
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		114.857.861.813	118.431.555.303
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		76.240.190.285	75.049.730.210
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		38.617.671.528	43.381.825.093
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>531.756.252.987</b>	<b>553.786.630.046</b>

Trần Ngọc Thương  
Người lập kiêm Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	868.693.378.170	962.206.236.803
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(365.513.640)	(12.548.331)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	18.1	868.327.864.530	962.193.688.472
11	4. Giá vốn hàng bán	19	(746.056.086.331)	(821.273.952.094)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		122.271.778.199	140.919.736.378
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	3.849.488.182	1.124.122.750
22	7. Chi phí tài chính	21	(5.122.099.643)	(5.708.646.752)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(3.754.845.633)	(3.980.159.377)
25	8. Chi phí bán hàng	20	(44.517.244.263)	(51.107.438.718)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(28.584.020.466)	(32.173.658.432)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		47.897.902.009	53.054.115.226
31	11. Thu nhập khác		437.457.580	647.266.069
32	12. Chi phí khác		(57.091.311)	(241.144.500)
40	13. Lợi nhuận khác		380.366.269	406.121.569
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		48.278.268.278	53.460.236.795
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	(9.660.596.750)	(10.078.411.702)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		38.617.671.528	43.381.825.093
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	3.626	3.619
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	3.626	3.619



Trần Ngọc Thương  
Người lập kiêm Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Tiền thu từ bán hàng		895.811.700.715	1.034.042.426.561
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(734.514.562.289)	(822.060.932.218)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(96.007.666.036)	(106.502.661.839)
04	Tiền lãi vay đã trả		(3.754.845.633)	(3.980.159.377)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.078.411.702)	(7.910.404.632)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.018.545.275	2.394.565.613
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(44.179.012.529)	(41.854.012.359)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>10.295.747.801</b>	<b>54.128.821.749</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(7.612.593.582)	(22.453.310.605)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		274.503.182	113.117.000
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(32.660.000.000)	(25.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		30.160.000.000	25.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi		3.849.488.182	1.105.122.750
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(5.988.602.218)</b>	<b>(21.235.070.855)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		7.482.461.437	21.828.810.605
34	Tiền trả nợ gốc vay		(16.298.974.602)	(14.002.621.398)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(33.015.000.000)	(21.300.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(41.831.513.165)</b>	<b>(13.473.810.793)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(37.524.367.582)	19.419.940.101
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		130.884.537.229	111.464.597.128
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	93.360.169.647	130.884.537.229



Trần Ngọc Thường  
Người lập kiêm Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100100537 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 5 năm 1998 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 được cấp ngày 6 tháng 7 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại khóa và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 157 - 159, đường Song Hành, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Đà Nẵng	Đường Xuân Thủy, khu dân cư công viên Khuê Trung, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Cần Thơ	Số 38, đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột	Số 191, đường Trần Phú, phường Thành Công, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp tại thành phố Phnôm Pênh, Campuchia	210 Mao Tse Toung Blvd (245), thành phố Phnôm Pênh, Campuchia

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 725 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 743).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |   |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ               | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.   |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **3.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu dụng của một số tài sản cố định là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý phục vụ sản xuất ngắn hơn so với quy định của Thông tư 45. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty tin tưởng rằng thời gian sử dụng hữu dụng ước tính dùng để trích chi phí khấu hao nói trên là phù hợp với đặc thù và thực tế sản xuất của Công ty.

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.9 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**3.16 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.17 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các loại khóa. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Chủ tịch Hội đồng Quản trị nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.18 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.084.601.827	2.987.384.373
Tiền gửi ngân hàng	91.275.567.820	107.897.152.856
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>93.360.169.647</u></b>	<b><u>130.884.537.229</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại từ trên 6 tháng đến dưới 13 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 4,4%/năm đến 6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,9%/năm đến 5%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**6.1 Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nga Nam	3.018.614.552	-
Cửa hàng Quang Phương	2.147.807.115	2.217.807.115
Công ty Cổ phần Hà Việt	1.521.283.280	602.954.000
Cửa hàng Sáng Phương	1.474.127.020	-
SVT Trading Sole Co., Ltd	1.402.915.775	675.998.142
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.631.376.993	3.692.353.288
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>14.196.124.735</b>	<b>7.189.112.545</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.967.607.236)	(3.037.607.236)

**6.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần DBORAH	689.237.660	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	1.076.307.423	1.036.330.758
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.765.545.083</b>	<b>1.036.330.758</b>

**7. NỢ XẤU**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Hộ kinh doanh Quang Phương	2.147.807.115	-	2.217.807.115	-
Các đối tượng khác	819.800.121	-	819.800.121	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.967.607.236</b>	<b>-</b>	<b>3.037.607.236</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	87.236.522.655	-	94.149.538.657	-
Công cụ, dụng cụ	884.323.971	-	728.971.315	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.352.096.831	-	4.921.950.775	-
Thành phẩm	209.664.649.136	(3.200.543.426)	177.478.431.041	(2.340.838.844)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>301.137.592.593</b>	<b>(3.200.543.426)</b>	<b>277.278.891.788</b>	<b>(2.340.838.844)</b>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.340.838.844	2.513.235.431
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	859.704.582	-
Trừ: Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(172.396.587)
Số cuối năm	<u>3.200.543.426</u>	<u>2.340.838.844</u>

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	74.188.472.003	236.558.044.021	14.465.550.188	1.956.520.067	362.789.434	327.531.375.713
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.462.770.384	10.285.571.403	656.852.091	-	-	14.405.193.878
- Thanh lý, nhượng bán	(2.458.303.013)	(7.461.256.595)	(594.422.727)	(759.387.331)	(362.789.434)	(11.636.159.100)
Số cuối năm	75.192.939.374	239.382.358.829	14.527.979.552	1.197.132.736	-	330.300.410.491
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.799.446.276	178.956.534.397	8.790.807.371	1.054.972.736	-	212.601.760.780
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	38.513.671.920	199.457.238.404	11.890.692.992	1.884.522.897	362.789.434	252.108.915.647
- Khấu hao trong năm	2.413.291.025	27.398.765.307	1.647.470.771	56.863.992	-	31.516.391.095
- Thanh lý, nhượng bán	(2.458.303.013)	(7.445.087.817)	(594.422.727)	(759.387.331)	(362.789.434)	(11.619.990.322)
Số cuối năm	38.468.659.932	219.410.915.894	12.943.741.036	1.181.999.558	-	272.005.316.420
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	35.674.800.083	37.100.805.617	2.574.857.196	71.997.170	-	75.422.460.066
Số cuối năm	36.724.279.442	19.971.442.935	1.584.238.516	15.133.178	-	58.295.094.071

Trong đó:

Tài sản dùng để thế chấp (\*)

- 15.616.038.073

(\*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị với giá trị còn lại khoảng 15,61 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như được trình bày trong Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm và số cuối năm	9.500.615.099	2.186.500.000	11.687.115.099
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	2.186.500.000	2.186.500.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	-	2.186.500.000	2.186.500.000
- Hao mòn trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	2.186.500.000	2.186.500.000
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	9.500.615.099	-	9.500.615.099
Số cuối năm	9.500.615.099	-	9.500.615.099

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí quảng cáo trả trước	4.401.666.673	5.565.855.035
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	315.000.000	413.576.667
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.716.666.673</b>	<b>5.979.431.702</b>



## Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)
Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp (*)	2.880.000	36%	28.800.000.000	(3.653.597.187)	2.880.000	36%	28.800.000.000	(2.433.372.214)
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>28.800.000.000</b>	<b>(3.653.597.187)</b>			<b>28.800.000.000</b>	<b>(2.433.372.214)</b>

(\*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do cổ phiếu của công ty này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0108813748 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, với số vốn điều lệ là 80 tỷ VND. Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp có trụ sở đặt tại thôn Viên Nội, xã Văn Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính trong năm của Công ty Cổ phần Novo – Việt Tiệp là sản xuất van, vòi công nghiệp và các sản phẩm khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

*Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dulico	14.661.777.686	12.093.591.231
Công ty TNHH Cơ khí Đại Thành	8.596.004.782	7.444.385.855
Công ty Cổ phần Hà Việt	6.480.607.421	5.873.875.293
Công ty Cổ phần Kim khí Trán Gia	5.679.701.162	3.661.424.390
Phải trả đối tượng khác	22.508.123.356	25.393.028.357
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>57.926.214.407</b>	<b>54.466.305.126</b>

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hộ Kinh doanh Lê Thìn	5.627.218.162	8.556.931.805
Hộ Kinh doanh Tuyết Thu	2.614.745.517	4.395.937.977
Các đối tượng khác	36.530.841.858	49.108.244.002
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.772.805.537</b>	<b>62.061.113.784</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế giá trị gia tăng	128.392.630	19.297.868.019	(19.426.260.649)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	670.159.023	(670.159.023)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.054.461.682	9.660.596.750	(9.078.411.702)	3.636.646.730
Thuế thu nhập cá nhân	206.695.122	1.880.798.530	(1.947.549.734)	139.943.918
Các loại thuế khác	-	283.166.680	(283.166.680)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.389.549.434</b>	<b>31.792.589.002</b>	<b>(31.405.547.788)</b>	<b>3.776.590.648</b>

**15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	23.406.207.688	22.191.855.029
- Trích lập trong năm (Thuyết minh 17.1)	4.338.182.509	2.986.354.741
- Sử dụng trong năm	(3.123.556.000)	(1.772.002.082)
<b>Số cuối năm</b>	<b>24.620.834.197</b>	<b>23.406.207.688</b>

## Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 16. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (*)	16.049.774.602	16.049.774.602	15.522.383.170	(16.298.974.602)	15.273.183.170	15.273.183.170	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.049.774.602</b>	<b>16.049.774.602</b>	<b>15.522.383.170</b>	<b>(16.298.974.602)</b>	<b>15.273.183.170</b>	<b>15.273.183.170</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay dài hạn ngân hàng (*)	30.700.150.375	30.700.150.375	7.482.461.437	(15.522.383.170)	22.660.228.642	22.660.228.642	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.700.150.375</b>	<b>30.700.150.375</b>	<b>7.482.461.437</b>	<b>(15.522.383.170)</b>	<b>22.660.228.642</b>	<b>22.660.228.642</b>	

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 16. VAY (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh	25.118.365.895	Thời hạn cho vay là 60 tháng, đáo hạn từ ngày 17 tháng 8 năm 2022 đến ngày 10 tháng 12 năm 2024. Gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với biên độ từ 2,7% - 3,5%/năm.	Máy móc, thiết bị như trình bày tại Thuyết minh số 9.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Anh	2.597.588.000	Thời hạn cho vay là 60 tháng đến ngày 5 tháng 1 năm 2023. nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với 2,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho năm hiện tại là 8,3%/năm theo chương trình ưu đãi của Ngân hàng.	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư, bao gồm máy móc thiết bị của dự án "Đầu tư chiều sâu và mở rộng năng cao năng lực sản xuất khóa chất lượng cao năm 2015 - 2016 - Giai đoạn II". Tổng giá trị tài sản đã hình thành ước tính là 9,7 tỷ VND.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Hà Nội	10.217.457.917	Thời hạn cho vay là 60 tháng đến ngày 4 tháng 6 năm 2026. Nợ gốc và lãi được thanh toán định kỳ vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất cơ sở tại ngày điều chỉnh cộng với 2,1% -2,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho năm hiện tại là 7,5% - 9,5%/năm.	Tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư, bao gồm máy móc thiết bị của dự án "Đầu tư chiều sâu và mở rộng năng cao năng lực sản xuất khóa chất lượng cao năm 2015 - 2016 - Giai đoạn II" và dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ - nâng cao năng lực sản xuất". Tổng giá trị tài sản đã hình thành ước tính là 60,15 tỷ VND.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.933.411.812</b>			
<i>Trong đó:</i>				
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	15.273.183.170			
- <i>Vay dài hạn</i>	22.660.228.642			

# Công ty Cổ phần Khóa Việt Tiệp

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 17.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
<b>Năm trước</b>				<i>Tổng cộng</i>
Số đầu năm	106.500.000.000	108.392.833.957	102.822.439.692	317.715.273.649
- Lợi nhuận trong năm	-	-	43.381.825.093	43.381.825.093
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.986.354.741	(2.986.354.741)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.986.354.741)	(2.986.354.741)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(21.300.000.000)	(21.300.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	111.379.188.698	118.431.555.303	336.310.744.001
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	106.500.000.000	111.379.188.698	118.431.555.303	336.310.744.001
- Lợi nhuận trong năm	-	-	38.617.671.528	38.617.671.528
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	4.338.182.509	(4.338.182.509)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(4.338.182.509)	(4.338.182.509)
- Chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	(33.015.000.000)	(33.015.000.000)
Số cuối năm	106.500.000.000	115.717.371.207	114.857.861.813	337.075.233.020

(\*) Công ty thực hiện trích lập các quỹ, chi quỹ khen thưởng Ban Điều hành và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	42.585.000.000	42.585.000.000	-	42.585.000.000	42.585.000.000	-
Vốn góp của cổ đông khác	63.915.000.000	63.915.000.000	-	63.915.000.000	63.915.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>-</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	106.500.000.000	106.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	106.500.000.000	106.500.000.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>33.015.000.000</b>	<b>21.300.000.000</b>

**17.4 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm</b>	<b>33.015.000.000</b>	<b>21.300.000.000</b>
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2020 (3.100 VND/cổ phần)	33.015.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trên cổ phiếu phổ thông cho năm 2019 (2.000 VND/cổ phần)	-	21.300.000.000

**17.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>10.650.000</b>	<b>106.500.000.000</b>	<b>10.650.000</b>	<b>106.500.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	106.500.000.000	10.650.000	106.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	10.650.000	106.500.000.000	10.650.000	106.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu bán hàng</b>	<b>868.693.378.170</b>	<b>962.206.236.803</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	840.192.491.151	936.099.930.108
<i>Doanh thu khác</i>	28.500.887.019	26.106.306.695
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(365.513.640)</b>	<b>(12.548.331)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(365.513.640)	(12.548.331)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>868.327.864.530</b>	<b>962.193.688.472</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ bán thành phẩm</i>	839.826.977.511	936.087.381.777
<i>Doanh thu thuần khác</i>	28.500.887.019	26.106.306.695

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.849.488.182	1.121.718.348
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.404.402
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.849.488.182</b>	<b>1.124.122.750</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	745.196.381.749	821.446.348.681
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	859.704.582	(172.396.587)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>746.056.086.331</b>	<b>821.273.952.094</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	9.621.853.068	13.166.334.375
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.351.503.451	6.531.671.673
Chi phí quảng cáo, sự kiện	17.109.964.659	17.134.314.332
Chi phí vận chuyển	6.976.475.857	8.156.191.420
Chi phí bán hàng khác	8.457.447.228	6.118.926.918
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.517.244.263</b>	<b>51.107.438.718</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	17.349.181.021	19.584.512.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.399.432.120	4.439.079.258
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	417.854.900	441.340.303
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.417.552.425	7.708.726.030
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>28.584.020.466</b>	<b>32.173.658.432</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	3.754.845.633	3.980.159.377
Chi phí tài chính khác	1.367.254.010	1.728.487.375
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.122.099.643</b>	<b>5.708.646.752</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	654.273.880.845	694.293.235.955
Chi phí nhân công	111.219.661.536	125.371.034.886
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	31.516.391.095	31.019.350.456
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.545.564.111	23.063.284.680
Chi phí khác	25.218.217.624	24.506.385.028
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>849.773.715.211</b>	<b>898.253.291.005</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 23.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.660.596.750	10.078.411.702
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.660.596.750</b>	<b>10.078.411.702</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	48.278.268.278	53.460.236.795
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	9.655.653.655	10.692.047.359
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	19.674.000	19.180.000
Phạt chậm nộp thuế	5.279.095	4.614.649
Khác	(20.010.000)	(637.430.306)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>9.660.596.750</b>	<b>10.078.411.702</b>

#### 23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

### 24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị UDIC	Cổ đông lớn	Trả cổ tức bằng tiền	13.201.350.000	8.520.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Tổng Giám đốc trong năm:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Lương và thưởng	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT (*)	765.261.000	823.089.900
Ông Lương Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT (*)	750.274.800	911.608.500
Ông Lê Đức Phương	Tổng Giám đốc (*)	618.192.300	627.318.600
Ông Nguyễn Đức Chuyên	Thành viên (*)	407.523.200	454.355.700
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên (*)	436.259.500	486.567.200
Ông Lê Tràng Thắng	Thành viên	449.802.800	485.997.900
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên (*)	413.048.300	-
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên (*)	496.864.900	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.337.226.800</b>	<b>3.788.937.800</b>

(\*) Chi tiết thông tin bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung trong báo cáo tài chính.

**25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.617.671.528	43.381.825.093
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 17)	-	(4.838.182.509)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>38.617.671.528</u>	<u>38.543.642.584</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.650.000	10.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.626	3.619
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.626	3.619

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thưởng Ban điều hành từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-KVT ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	329.569	176.064

**27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Trần Ngọc Thường  
Người lập kiêm Trưởng phòng Kế toán



Nguyễn Văn Tuấn  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

